

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01-3-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thanh Học.

2. Ông Trần Văn Sơ.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mã Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 14, khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Châu Văn Đầy, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 14, khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/12/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mã Thị N trình bày: Bà và ông Châu Văn Đ chung sống với nhau từ tháng 4/1987, từ thời gian chung sống cho đến nay bà và ông Đ không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến khoảng tháng 01/2021 ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến dẫn đến thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Châu Văn Đ. Do ông Đ đang bị bệnh không còn khả năng lao động nên bà đồng ý cấp

dưỡng cho ông Đ mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi ông Đ chết, thi hành vào ngày 01/4/2024 và yêu cầu Tòa án ghi nhận.

Về con chung: Có hai đứa con tên Châu Văn Đ, sinh ngày 07/8/1990 và Châu Thị Thắm D, sinh ngày 03/6/1992. Hiện nay, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Châu Văn Đ trình bày: Ông và bà Mã Thị N chung sống với nhau đến nay được 37 năm nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như bà N trình bày và đã ly thân với nhau được khoảng 03 năm, bà N làm đơn xin ly hôn ông đồng ý ly hôn. Do ông đang bị bệnh không còn khả năng lao động nên ông đồng ý nhận tiền cấp dưỡng của bà N mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất theo lời trình bày của bà Mã Thị N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Mã Thị N và ông Châu Văn Đ chung sống với nhau từ tháng 4/1987 nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống ông bà thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, xét thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N xin ly hôn ông Đ đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mã Thị N và ông Châu Văn Đ. Về nghĩa vụ cấp dưỡng ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông bà về việc bà N cấp dưỡng cho ông Đ hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi ông Đ chết, thời gian bắt đầu thi hành vào ngày 01/4/2024. Về con chung hai đứa con tên Châu Văn Đ, sinh ngày 07/8/1990 và Châu Thị Thắm D, sinh ngày 03/6/1992 đã trưởng thành nên không xem xét, về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét, về nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Châu Văn Đ cư trú tại khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm

a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về hôn nhân: Bà Mã Thị N và ông Châu Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4/1987 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Qua xác minh tại địa phương cho thấy ông bà chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý. Xét thấy, trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông bà đã ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, quan hệ hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N xin ly hôn ông Đ đồng ý ly hôn. Do đó, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mã Thị Nương và ông Châu Văn Đây là phù hợp quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Về con chung: Ông bà có hai đứa con tên Châu Văn Đ, sinh ngày 07/8/1990, giới tính nam và Châu Thị Thắm D, sinh ngày 03/6/1992, giới tính nữ. Các con đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông bà trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông bà đã thỏa thuận hàng tháng bà N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông Đây là 1.000.000 đồng cho đến khi ông Đ chết, thời gian bắt đầu thi hành vào ngày 01/4/2024 và yêu cầu Tòa án ghi nhận.

[7] Về án phí: Bà Mã Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 107, Điều 115, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10

ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mã Thị N và ông Châu Văn Đ.

2. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận phân chia nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Công nhận sự thỏa thuận của ông bà về việc bà Mã Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông Châu Văn Đ hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi ông Đ chết, thời gian bắt đầu thi hành vào ngày 01/4/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Mã Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001606 ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên bà N còn phải nộp thêm 150.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Mạc Văn Hên